TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2017/DS-PT
Ngày: 27-12-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn
Bà Nguyễn Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Ông Lê Minh Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Hoàng C, sinh năm 1944.

Địa chỉ cư trú: Tổ Z, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Số V, đường C, Phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 11/01/2017).

- *Bị đơn:* Võ Thành P, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Khóm N, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
  - Nguyễn Thị N, sinh năm 1975;
  - Võ Kim T, sinh năm 1991;
  - Võ Thị NT, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm N, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Thành P.

(Nguyễn Thị N, Võ Kim T, Võ Thị NT vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đỗ Hoàng C có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Tuấn A trình bày:

Ông Đỗ Hoàng C và vợ chồng ông Võ Thành P, bà Nguyễn Thị N là chỗ quan hệ họ hàng (ông C là cậu ruột của ông P). Để có thêm vốn kinh doanh nên ông P đã nhiều lần vay của ông C từ năm 2010 với lãi suất 1%/tháng, các lần vay tiền này ông P đều hoàn trả đúng hẹn và đóng lãi đầy đủ. Tính đến ngày 17/5/2014, ông P còn thiếu ông C là 1.400.000.000 đồng và cam kết trả như sau:

+ Khoản 1: Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng hẹn cuối năm 2015 trả.

+ Khoản 2: Đối với số tiền 400.000.000 đồng hẹn trả 02 lần:

Lần 1: Từ 17/5/2014 đến 17/8/2014 trả 200.000.000 đồng.

Lần 2: Đến tháng 12/2014 sẽ trả 200.000.000 đồng.

Việc hẹn này ông P có viết biên nhận (cam kết) ngày 17/5/2014.

Sau khi cam kết thì ông P không trả đúng hẹn mà tính đến nay chỉ mới trả được số tiền 280.000.000 đồng, ông C đồng ý trừ vào nợ gốc, nên số tiền gốc còn lại là 1.120.000.000 đồng. Ông C yêu cầu ông P, bà N có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc là 1.120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/3/2016 đến ngày 05/4/2017 với lãi suất 0,84%/tháng là 119.168.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.239.168.000 đồng và phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 06/4/2017 đến khi vụ án kết thúc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 16/3/2016 đến khi xét xử sơ thẩm (tính tròn 17 tháng) trên số tiền vốn gốc 1.120.000.000đ X 0,75% X 17 tháng = 142.800.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.262.800.000 đồng.

- Bị đơn ông Võ Thành P trình bày: Đây không phải là tiền vay mà là tiền ông C hùn vào cùng làm ăn với ông P từ năm 2006, đưa dần có khi 50.000.000 đồng, có khi 100.000.000 đồng, đưa có khi có giấy tờ, có khi không có giấy tờ rồi 03 tháng, 06 tháng kết sổ thì chia lợi nhuận có khi chia lợi 2.5% có khi chia 2%, có khi 1%. Cho đến năm 2014, ông C bệnh yếu nên yêu cầu rút vốn ra và ông P mới viết cam kết trả số tiền gốc 1.400.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày, nhưng thỏa thuận từ đây không tính lãi nữa. Sau đó, ông P có trả nhiều lần cho ông C được số tiền 280.000.000 đồng. Nên tại buổi hòa giải ngày 10/4/2017, ông P thống nhất còn nợ gốc của ông C 1.120.000.000 đồng và đồng ý trả nhưng không đồng ý trả lãi vì thỏa thuận là không tính lãi và không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị N vì việc làm ăn giữa ông C với ông P bà N không biết.

Đến ngày 12-7-2017 (sau khi ông P nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử) thì ông P nộp văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ lại số tiền mà ông C đã nhận theo các chứng cứ ông P cung cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P cho rằng ông C hùn tiền vào làm ăn với ông từ năm 2006 và ông đã chia lãi cho ông C rất nhiều. Đến năm 2009 thì chuyển qua thành tiền vay và ông đã trả lãi tổng cộng cho ông C từ năm 2009 đến nay là 1.688.132.000 đồng, trong khi vốn là 1.600.000.000 đồng. Nay gia đình ông P rất khó khăn không còn khả năng trả nợ nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật từ năm 2009 đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Việc làm ăn là giữa ông P và ông C bà N không biết nên yêu cầu Tòa án xem lại tư cách đương sự.

- Tại bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị N liên đới trả cho ông Đỗ Hoàng C số tiền vay còn thiếu gốc 1.120.000.000 đồng và lãi 142.800.000 đồng. Tổng cộng là 1.262.800.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.884.000 đồng.

Ông Đỗ Hoàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C 15.027.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 11244 ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện H.

Anh Võ Kim T, chị Võ Thị NT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2017, ông Võ Thành P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh P trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin điều chỉnh lãi suất do đây là tiền ông C hùn vốn với anh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tuấn A đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày: Đây là hợp đồng vay tài sản, anh yêu cầu anh P cùng vợ là chị N liên đới trả cho ông C số tiền vay còn thiếu gốc 1.120.000.000 đồng và lãi 142.800.000 đồng. Tổng cộng là 1.262.800.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà N, anh T, chị NT vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Cần xác định lại đây là hợp đồng vay tài sản hay là hợp đồng hùn vốn, xét thấy các chứng cứ mà ông P đưa ra xác định được giữa ông C và ông P xác lập việc hùn vốn, và ông P đã nhiều lần trả lợi nhuận cho ông C. Tuy nhiên theo ông P trình bày tại phiên tòa là đến năm 2009-2010 ông P thống nhất với ông C là chuyển thành hợp đồng vay tài sản. Vì vậy xác định đây là hợp đồng vay tài sản là có cơ sở.

[3] Đối với phần lãi suất và thời điểm tính lãi suất: Do biên nhận ngày 17/5/2014 không quy định lãi suất và bên nguyên đơn là ông C thừa nhận sau khi hết hạn cam kết ông P đã trả cho ông C nhiều lần tổng cộng được 280.000.000đ, đồng thời bên nguyên đơn không có cơ sở nào chứng minh thời điểm phát sinh tranh chấp nên tính thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày ông C nộp đơn khởi kiện và cũng là ngày thụ lý vụ án - ngày 13/01/2017 nên phải điều chỉnh tiền lãi lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Bên ông C yêu cầu mức lãi suất 0,75%/tháng tương đương 9%/năm là phù hợp nên chấp nhận mức lãi suất này. Như vậy tính thời gian trả lãi cụ thể như sau:

- Thời gian tính lãi: Từ ngày 13/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 03 ngày.

- Tiền lãi: 1.120.000.000đ x 0,75%/tháng x 07 tháng 03 ngày = 59.640.000đ.

Tổng cộng gốc và lãi là 1.120.000.000đ + 59.640.000đ = 1.179.640.000đ.

[4] Đối với việc ông P cho rằng bà N không liên quan đến vụ án do không biết giao dịch làm ăn gì giữa ông P với ông C, tuy nhiên ông P và bà N cùng nhau thực hiện việc kinh doanh và hai người đang trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời bà N không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do kháng cáo của ông P có một phần cơ sở nên chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

Đối với ông P, bà N có đơn xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có chính quyền địa phương xác nhận nên chấp nhận giảm cho ông P, bà N 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Ông P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Thành P về phần lãi suất.
- Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng C.

2. Buộc vợ chồng ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị N liên đới trả cho ông Đỗ Hoàng C số tiền vay còn thiếu gốc 1.120.000.000 đồng và lãi 59.640.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 1.179.640.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.884.000 đồng nhưng được giảm 50% theo đơn xin miễn giảm án phí ngày 13/12/2017, do đó ông P và bà N phải liên đới nộp 24.942.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đỗ Hoàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C 15.027.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 11244 ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện H.

- Anh Võ Kim T, chị Võ Thị NT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 03491 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án huyện H.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Thông